UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39 /2020/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn được quy định là tài sản cố định; danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn được quy định là tài sản cố định; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định tại Quyết định này được áp dụng đối với:

a) Tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội;

b) Tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 69, khoản 2 Điều 70 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

Điều 3. Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn được quy định là tài sản cố định; Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù

1. Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn được quy định là tài sản cố định

a) Tiêu chuẩn nhận biết tài sản chưa đủ tiêu chuẩn được quy định là tài sản cố định được quy định tại Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn được quy định là tài sản cố định: Chi tiết theo Phụ lục số I kèm theo.

2. Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

a) Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình được quy định tại khoản 2, Điều 3 và khoản 2, Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình: Chi tiết theo Phụ lục số II kèm theo.

3. Danh mục tài sản cố định đặc thù

a) Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định đặc thù được quy định tại Điều 5 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Danh mục tài sản cố định đặc thù: Chi tiết theo Phụ lục số III kèm theo.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2021.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ các nội dung ban hành theo quy định tại Điều 3 Quyết định này thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Cơ quan Đảng, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh; Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Báo Thái Nguyên;
- Lưu: VT, KT, TH.

Sonnk/QĐ/T12/35b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trịnh Việt Hùng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục số I

DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CHƯA ĐỦ TIÊU CHUẨN ĐƯỢC QUY ĐỊNH LÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2020/QĐ-UBND ngày 31 / 12 /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Danh mục tài sản	Thời gian sử dụng (năm)	Tỉ lệ hao mòn (%)
A	**Danh mục tài sản có nguyên giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng và có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên**		
Loại 1	**Máy móc, thiết bị**		
1	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến		
-	Máy vi tính để bàn	5	20
-	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	5	20
-	Máy in	5	20
-	Máy fax	5	20
-	Tủ đựng tài liệu	5	20
-	Máy scan	5	20
-	Máy hủy tài liệu	5	20
-	Bộ bàn ghế ngồi làm việc trang bị cho các chức danh	8	12,5
-	Bộ bàn ghế họp	8	12,5
-	Bộ bàn ghế tiếp khách	8	12,5
-	Máy điều hòa không khí	8	12,5
-	Quạt	5	20
-	Máy sưởi	5	20
-	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác	5	20
2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
-	Máy chiếu	5	20
-	Thiết bị lọc nước	5	20
-	Máy hút ẩm, hút bụi	5	20

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

STT	Danh mục tài sản	Thời gian sử dụng (năm)	Tỉ lệ hao mòn (%)
-	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	5	20
-	Máy ghi âm	5	20
-	Máy ảnh	5	20
-	Thiết bị âm thanh	5	20
-	Tổng đài điện thoại, máy bộ đàm	5	20
-	Thiết bị thông tin liên lạc khác	5	20
-	Tủ lạnh, máy làm mát	5	20
-	Máy giặt	5	20
-	Thiết bị mạng, truyền thông	5	20
-	Thiết bị điện văn phòng	5	20
-	Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	5	20
-	Thiết bị truyền dẫn	5	20
-	Camera giám sát	8	12,5
-	Máy bơm nước	8	12,5
-	Két sắt	8	12,5
-	Bàn ghế hội trường	8	12,5
-	Tủ, giá kệ đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật	8	12,5
-	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	8	12,5
3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng		
-	Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo	10	10
-	Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động thuộc lĩnh vực Điện tử, Viễn thông, Phát thanh truyền hình	5	20
-	Máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị	10	10
4	Máy móc, thiết bị khác	8	12,5
Loại 2	**Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm**		

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

STT	Danh mục tài sản	Thời gian sử dụng (năm)	Tỉ lệ hao mòn (%)
1	Các loại súc vật	8	12,5
2	Cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả, vườn cây lâu năm	25	4
3	Thảm cỏ, thảm cây xanh, cây cảnh, vườn cây cảnh	8	12,5
Loại 3	**Tài sản cố định hữu hình khác**	**8**	**12,5**
Loại 4	**Tài sản cố định vô hình**		
1	Phầm mềm hệ thống	5	20
2	Phần mềm ứng dụng	5	20
3	Phần mềm công cụ	5	20
4	Phần mềm tiện ích	5	20
5	Phần mềm khác	5	20
B	**Tài sản là trang thiết bị dễ hỏng, dễ vỡ có nguyên giá từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên**	**5**	**20**

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục số II

DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số 39 /2020/QĐ-UBND ngày 31 /12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN SỬ DỤNG (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
Loại 1	**Quyền tác giả**		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí và khoa học	50	2
2	Quyền tác giả khác	50	2
Loại 2	**Quyền sở hữu công nghiệp**		
1	Bằng độc quyền sáng chế	20	5
2	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	10	10
3	Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	5	20
4	Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	10	10
5	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	10	10
6	Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý	50	2
7	Quyền sở hữu công nghiệp khác	10	10
Loại 3	**Quyền đối với giống cây trồng**		
1	Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ và cây nho	25	4
2	Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	20	5
Loại 4	**Phần mềm ứng dụng**		
1	Phầm mềm hệ thống	5	20
2	Phần mềm ứng dụng	5	20
3	Phần mềm công cụ	5	20
4	Phần mềm tiện ích	5	20
5	Phần mềm khác	5	20
Loại 5	**Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất**	5	20

Ghi chú:

1. Danh mục tài sản cố định vô hình (loại 2, 3): Căn cứ theo hiệu lực của Bằng bảo hộ quy định tại Điều 93 và khoản 2 Điều 169 Văn bản hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ số 19/VBHN-VPQH ngày 18/12/2013 của Văn phòng Quốc hội.
2. Danh mục tài sản cố định vô hình (Loại 4): Căn cứ theo Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục số III

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số 39 /2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	DANH MỤC
Loại 1	**Di tích lịch sử được xếp hạng**
1	Di tích quốc gia đặc biệt
2	Di tích quốc gia
3	Di tích cấp tỉnh
Loại 2	**Cổ vật hiện vật trong Bảo tàng, Nhà trưng bày, khu lưu niệm và các khu di tích**
1	Nhóm hiện vật chất liệu kim loại
2	Nhóm hiện vật chất liệu nhựa
3	Nhóm hiện vật chất liệu thủy tinh
4	Nhóm hiện vật chất liệu xương, sừng, ngà
5	Nhóm hiện vật chất liệu da
6	Nhóm hiện vật chất liệu nhựa
7	Nhóm hiện vật chất liệu đất, đá, gốm, sứ, sành, đất nung…
8	Nhóm hiện vật chất liệu giấy
9	Nhóm hiện vật chất liệu tre, gỗ, nứa…
10	Nhóm hiện vật các tiêu mẫu bản của động vật, thực vật
11	Nhóm hiện vật phim, ảnh
12	Nhóm hiện sưu tầm, hiến tặng, sưu tầm đề án
13	Nhóm các hiện vật chất liệu khác
Loại 3	**Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập**
1	Bệnh viện
2	Đơn vị sự nghiệp công lập khác

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn